

Số: 2002/ĐA.SNN

Nghệ An, ngày 05 tháng 8 năm 2016

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG 2016

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2015

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ ĐÔNG 2015

1. Kết quả đạt được (chi tiết tại phụ lục 1):

- Cây ngô: Diện tích đạt 23.735 ha/28.000ha KH, giảm 1.520,3 ha (giảm 6,02 %) so với vụ Đông 2014. Năng suất đạt 44,96 tạ/ha, giảm 0,52 tạ/ ha so với vụ Đông 2014; Sản lượng đạt 106.720 tấn, giảm 8.113 tấn so với vụ Đông 2014 (giảm 7,07%).

- Cây lạc: Diện tích đạt 1.293 ha tăng 13,9 ha so với năm 2014, năng suất đạt 22,19 tạ/ha, tăng 2,10 tạ/ha so với vụ Đông 2014; Sản lượng đạt 2.870 tấn, tăng 300,5 tấn/ha so với vụ Đông 2014 (tăng 11,7%).

- Rau đậu các loại: Diện tích đạt 11.867 ha, tăng 1.202,8 ha so với vụ Đông 2014 (tăng 11,28%); Năng suất đạt 120,87 tạ/ha, giảm 3,68 tạ/ha so với vụ Đông 2014; Sản lượng đạt 143.432 tấn, tăng 10.614,5 tấn so với vụ Đông 2014 (tăng 7,99 %).

- Cá lúa vụ 3: Diện tích đạt 3.148 ha/3.500 ha đạt 89,9 % so với kế hoạch; Sản lượng đạt 3.000tấn/3.500 tấn KH đạt 85,71 %; Năng suất bình quân đạt 0,95 tấn/ha. Số lượng giống thả 3,53 triệu con (kích cỡ cá 4-5 con/kg).

2. Nhận xét, đánh giá

2.1. Ưu điểm:

- Sản xuất vụ Đông 2015 tuy đầu vụ có đợt mưa lớn nhưng nhìn chung trong vụ thời tiết cơ bản thuận lợi nên diện tích, năng suất một số loại cây trồng tăng so với vụ Đông 2014. Diện tích lạc tăng 13,9 ha so với vụ Đông 2014; năng suất lạc toàn tỉnh tăng 2,10 tạ/ha so với vụ Đông 2014 và tăng 2,19 tạ/ha so với kế hoạch; Diện tích rau đậu các loại tăng 1.202,8 ha so với vụ Đông 2014;

- Sản xuất Ngô vụ Đông ngoài việc góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cây có hạt hàng năm thì đã có sự dịch chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá cho

giá trị kinh tế cao như sản xuất ngô làm thức ăn chăn nuôi (thu hoạch tươi cả cây), trồng ngô lấy bắp tươi (ngô nếp, ngô tím),...

- Nhiều mô hình cây trồng, cá vụ 3 được đưa vào sản xuất trên diện tích lớn, bán được giá cao (cho thu nhập hàng chục đến hàng trăm triệu đồng/ha) tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất vụ Đông.

2.2. Tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông 2015 còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Diện tích, năng suất một số loại cây trồng không đạt so với kế hoạch đề ra:

+ Cây ngô: Diện tích gieo trồng giảm 4.265,3ha so với kế hoạch (đạt 84,77%); Sản lượng giảm 19.280 tấn so với kế hoạch (đạt 84,70%); Năng suất giảm 0,04 tạ/ha so với kế hoạch (đạt 99,91%).

+ Cây lạc: Diện tích giảm 207,0 ha so với kế hoạch (đạt 86,19%). Sản lượng lạc giảm 431,0 tấn so với kế hoạch (đạt 95,65%).

+ Cây Rau các loại: Diện tích giảm 633,2 ha so với kế hoạch (đạt 94,93%) và sản lượng giảm 6.568,5 tấn so với kế hoạch (đạt 95,62%).

- Mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa nông dân và các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn và chưa thực hiện được nhiều.

- Nuôi cá lúa vụ 3 chưa đạt kế hoạch đề ra.

2.3. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân đạt được:

- Cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban ngành từ tỉnh đến địa phương quan tâm, tập trung chỉ đạo và đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất vụ Đông.

- Các loại vật tư được các đơn vị sản xuất, cung ứng chuẩn bị đủ về số lượng và chủng loại đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như kênh mương, đường nội đồng ngày càng được củng cố hỗ trợ tốt cho sản xuất nói chung, trong đó có vụ Đông.

- Các địa phương và bà con nông dân ngày càng có kinh nghiệm và nhận thức được hiệu quả cao của sản xuất vụ Đông nên đã có sự đầu tư, chủ động tìm kiếm đưa các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

- Đã có sự vào cuộc của một số doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, thu mua, bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân tạo động lực thúc đẩy sản xuất vụ đông.

- Một số huyện có chính sách hỗ trợ phát triển như: Diễn Châu hỗ trợ 1,0 triệu đồng/ha sản xuất rau trên đất 2 lúa (đối với tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất rau từ 5,0 ha trở lên trên đất 2 lúa) và hỗ trợ xây dựng mô hình rau VietGAP

tại xã Diễn thành 180 triệu đồng; Hưng Nguyên hỗ trợ cho các mô hình nuôi cá lúa vụ 3 với 64 triệu đồng/12 mô hình với tổng diện tích là 77,8 ha và hỗ trợ 70% giá giống Ngô sản xuất trên đất 2 lúa; Nghi Lộc hỗ trợ 30.000 đồng/kg giống ngô cho nông dân chuyển đổi trên đất trồng lúa không sản xuất được vụ Hè thu - Mùa do hạn hán sang trồng ngô vụ Đông;

b. Nguyên nhân tồn tại:

- Hạn hán kéo dài nên một số địa phương vụ Hè thu 2015 gieo cấy muộn đã làm chậm thời vụ sản xuất vụ Đông. Đồng thời cũng do đầu vụ đông mưa to gây ngập úng nên một số diện tích không thể gieo trồng đã làm giảm diện tích cây vụ đông so với kế hoạch.

- Quỹ thời gian sản xuất vụ đông ngắn, sản phẩm mang tính thời vụ cao, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết nên khả năng đảm bảo yêu cầu về thời vụ gặp khó khăn ảnh hưởng đến mở rộng diện tích vụ đông.

- Việc tổ chức sản xuất vụ Đông ở một số địa phương vẫn thiếu quyết liệt, không đảm bảo được chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Phong trào sản xuất vụ Đông, nhất là trên đất 2 lúa giảm; Việc ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất vụ Đông còn hạn chế, đặc biệt là khâu làm đất trên đất 2 lúa, trong lúc lực lượng lao động nông thôn đang có xu hướng chuyển dịch lao động từ sản xuất nông nghiệp sang xây dựng, thương mại, dịch vụ trong những tháng cuối năm nên gây tâm lý nông dân không muốn sản xuất vụ Đông.

- Cơ chế, chính sách hiện hành chưa đủ mạnh để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư liên kết với nông dân để sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

- Sự phối hợp, liên kết giữa các hộ dân trong nuôi cá lúa vụ 3 còn hạn chế và hiện tượng dùng kích điện để bắt cá trên đồng ruộng làm ảnh hưởng đến phong trào nuôi cá vụ 3.

II. KẾT QUẢ SƠ BỘ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2016

1. Về diện tích gieo trồng đến ngày 2/8/2016

- Cây lúa: Đến ngày 2/8/2016 toàn tỉnh gieo cấy được 88.170 ha/KH 94.000 ha (đạt 93,80 %), trong đó diện tích lúa Hè Thu 51.500 ha/KH 52.000ha, đạt 99,04% lúa Mùa 36.670 ha/ KH 42.000ha (trong đó lúa rẫy là 11.758 ha).

- Cây ngô: Tổng diện tích trồng 14.307 ha/KH 18.000 ha (đạt 79,48%).

- Cây lạc: Tổng diện tích trồng 743,0 ha/KH 1.200 ha (đạt 61,92%).

- Cây vừng: Tổng diện tích trồng 2.532,9 ha/ KH 4.000 ha (đạt 63,32%).

- Rau các loại: Tổng diện tích trồng 6.842,5 ha/KH 9.000 ha (đạt 76,03%).

- Đậu các loại: Tổng diện tích trồng 2.295,3 ha/KH 5.000 ha (đạt 45,91 %).

2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè Thu - Mùa diễn ra trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, hạn hán kéo dài nên xảy ra tình trạng thiếu nước trầm trọng, đồng thời do thu hoạch vụ Xuân muộn hơn mọi năm nên ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất.

- Do nắng hạn nên một số diện tích lúa Hè thu phải chuyển sang trồng lúa mùa, đến nay toàn tỉnh vẫn còn 5.830 ha lúa chưa gieo cấy và 10.479,3 ha đất trồng cây rau, màu chưa gieo trồng được. Tuy nhiên, đây cũng là quỹ đất để các địa phương chủ động bố trí thời vụ sản xuất vụ Đông sớm hơn các năm trước.

- Bên cạnh đó, vụ Hè thu – mùa thời kỳ cao điểm đã bị sâu cuốn lá lúa 4, lúa 5 phát sinh gây hại mạnh trên địa bàn toàn tỉnh (tổng diện tích bị nhiễm sâu cuốn lá nhỏ lúa 4 và 5 là 38.444 ha, trong đó diện tích bị nhiễm nặng là 12.889 ha; 11.352 ha nhiễm trung bình; 14.203 ha nhiễm nhẹ) do đó phải tổ chức phòng trừ trên 26.403 ha đã làm tăng chi phí sản xuất cho bà con nông dân.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2016

I. KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI

1. Thuận lợi

- Được cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm chỉ đạo; ngoài chính sách của tỉnh, các địa phương (huyện, xã) cũng có thêm chính sách khuyến khích nông dân sản xuất vụ Đông;

- Một số diện tích đất vụ Hè thu-mùa không triển khai sản xuất do hạn nên sẽ thuận lợi cho việc gieo trồng sớm cây vụ Đông.

- Thời tiết vụ Đông phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt các loại rau màu có giá dinh dưỡng và giá trị kinh tế cao sẽ được bà con nông dân tập trung đầu tư để sản xuất hàng hoá bán ra thị trường.

- Nông dân đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm sản xuất vụ Đông.

-Tiến bộ về giống cây trồng đã có bước phát triển, đưa ra được một số giống mới (các giống Ngô, lạc, bí xanh, bí đỏ, khoai tây, đậu tương,...) bổ sung vào cơ cấu, phù hợp với yêu cầu sản xuất.

- Các loại vật tư phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật được các đơn vị sản xuất, cung ứng chuẩn bị đủ về số lượng và đa dạng về chủng loại đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất; Một số doanh nghiệp có cơ chế cho nông dân vay, ứng trước giống, phân bón trả chậm tạo thuận lợi cho nông dân đầu tư thâm canh.

2. Khó khăn

- Thời gian thu hoạch lúa vụ Hè thu - Mùa 2016 một số nơi chậm hơn từ 10-20 ngày sẽ ảnh hưởng đến thời vụ và tiến độ sản xuất các cây trồng vụ Đông nhất là trên đất 2 lúa.

- Diễn biến thời tiết trong vụ Đông vẫn hết sức phức tạp, khó lường, trong khi hệ thống thủy lợi ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu tiêu úng, do đó ảnh hưởng đến tâm lý sản xuất vụ Đông của bà con nông dân.

- Công tác xúc tiến thị trường, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn, đầu ra cho sản phẩm vụ Đông thiếu ổn định.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu, do có xu hướng chuyển dịch sang công việc khác, trong lúc cơ giới hoá khâu làm đất còn hạn chế, đặc biệt làm đất trên đất 2 lúa nên ảnh hưởng đến tiến độ, mở rộng diện tích sản xuất vụ Đông.

- Nguy cơ Chuột sẽ gây hại nặng, đặc biệt đối với cây ngô, ngoài ra các đối tượng cào cào, châu chấu, rệp, sâu xanh, sâu khoang,...luôn tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Phương hướng: Tập trung chỉ đạo, khai thác tối đa và phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất vụ Đông theo hướng sản xuất hàng hóa toàn diện, an toàn, có hiệu quả kinh tế cao. Phấn đấu đạt mức cao nhất cả về diện tích, năng suất, sản lượng,...góp phần quan trọng vào hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2017.

2. Mục tiêu: Toàn tỉnh phấn đấu gieo trồng trên 40.300 ha cây trồng các loại (Ngô, Lạc, Rau đậu các loại); 3.200 ha Cá vụ 3 và 5.500 ha cây trồng khác (khoai lang, cây công nghiệp,...) , trong đó mục tiêu phấn đấu về diện tích, năng suất, sản lượng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	27.000	45	121.500
2	Cây lạc	1.300	22	2.860
3	Rau đậu các loại	12.000	120	144.000
4	Cá vụ 3	3.200	10	3.200
5	Cây khác (K.L, cây công nghiệp,...)	5.500		

(Chỉ tiêu cụ thể cho từng huyện, thành, thị ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Giải pháp về kỹ thuật:

1.1. Bố trí cơ cấu giống và thời vụ:

* Về thời vụ:

- *Cây ngô:*

+ Những vùng trồng ngô làm thức ăn thì căn cứ vào hợp đồng với các đơn vị bao tiêu sản phẩm để gieo trồng theo tiến độ.

+ Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cưỡng chuyển làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm,...tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước 30/8.

+ Trên đất 2 lúa vùng đồng bằng ưu tiên các giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày, làm ngô bầu, mạ ngô để đảm bảo thời vụ. Kết thúc gieo trước 30/9.

+ Trên vùng bãi cao ven sông, suối: Đối với vùng cao không bị ngập lụt: Gieo từ 20/8 - 20/9; Vùng thấp, ngập lụt dễ xảy ra: Căn cứ vào tình hình thực tế để ra giống khi xu thế ngập lụt đã kết thúc và phải kết thúc gieo trồng trước 30/10; Đối với những vùng gieo muộn phải sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn.

- *Khoai tây:* Trồng từ 20 - 30/10.

- *Cây lạc:* Gieo từ ngày 10/8 đến 30/8.

- *Đậu tương:* Gieo xong trước 10/10.

- *Các loại rau đậu khác:* Tùy từng loại cây như hành, tỏi, xu hào, cải bắp, rau ăn lá, rau ăn củ, cà chua,...có thể trồng rải rác từ tháng 9 trở đi và gieo trồng nhiều lứa/vụ.

- *Cá ruộng lúa vụ 3:* Các địa phương chỉ đạo bà con nông dân thả giống từ 1/9 đến 15/10/2016 để bảo đảm cho sản xuất lúa vụ xuân 2017.

- *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm:* Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt cây giống chèn, mía, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày,...tranh thủ lúc có thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch 2017.

* Về sử dụng giống:

- *Cây ngô:*

Các địa phương căn cứ vào đặc điểm tình hình, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

Các địa phương có thể lựa chọn cơ cấu từ 4-6 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt với các giống chủ lực như: PSC747, PSC102, LVN14, P4199, 30Y87, CP999, CP111, NK66, NK6654, NK6326, NK7328, NK4300, DK6919, DK6818, DK9901, DK9955, CP501, ...

Đối với các giống ngô có sinh khối lớn như: PSC102, LVN14, 30Y87, CP111, CP511, B265, NK6326, B.06, P4199, B528,...các địa phương liên hệ với các Công ty chăn nuôi bò sữa, bò thịt như Công ty TH true milk, Vinamilk... để hợp đồng sản xuất.

Ngoài ra các địa phương có thể lựa chọn các giống ngô khác đã được gieo trồng và thử nghiệm cho kết quả tốt trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh (tài phụ lục 3) để đưa vào cơ cấu trong đề án sản xuất của địa phương mình. Đồng thời tiếp tục phối hợp với các tổ chức, cá nhân tiến hành khảo nghiệm, làm mô hình trình diễn các giống ngô mới có triển vọng khi có ý kiến cho phép của Sở Nông nghiệp & PTNT.

- Cây lạc: Sử dụng giống L14, L23, L26, TB 25, sen lai 75/23, TK10.

- Cây đậu tương: Sử dụng các giống: ĐT12, ĐT99, ĐT84.

- Các loại rau đậu: Phải dựa trên cơ sở đất đai, nhu cầu thị trường, tập quán và kinh nghiệm canh tác để gieo trồng các loại rau đậu phù hợp. Trong đó chú trọng phát triển các giống rau cao cấp để tăng thêm hiệu quả kinh tế. Mở rộng diện tích rau an toàn, ưu tiên hỗ trợ xây dựng thương hiệu các vùng rau làm hàng hóa. Các địa phương ưu tiên đóng vai trò trung gian, định hướng tăng cường hỗ trợ nông dân để thực hiện liên doanh, liên kết mở rộng diện tích sản xuất bao tiêu sản phẩm hàng hóa cây trồng vụ Đông.

Tiếp tục tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân và quy định của nhà nước. Các tổ chức, cá nhân muốn đưa giống mới vào khảo nghiệm, sản xuất thử trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải có văn bản gửi xin ý kiến và chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý của Sở Nông nghiệp và PTNT; Trong văn bản đề nghị phải nêu rõ đặc tính của giống, quy mô, địa điểm dự kiến khảo nghiệm, sản xuất thử để Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo cho UBND các huyện, thành, thị phối hợp theo dõi, quản lý. Đồng thời, phải thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý giống cây trồng và phải có cam kết đền bù sản lượng cho nông dân nếu như xảy ra tình trạng mất mùa do giống gây ra.

Chú ý: Trên cơ sở khung thời vụ và các giống nêu trong đề án, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng và diễn biến mưa lũ để các địa phương xem xét, tính toán có kế hoạch gieo trồng sát với tình hình vừa giảm thiểu được thiệt hại do mưa lũ, vừa đảm bảo cho năng suất cao và không ảnh hưởng đến gieo trồng cây trồng vụ Xuân.

Riêng đối với ngô trên đất 2 lúa kể cả ngô trồng lấy hạt và ngô làm thức ăn chăn nuôi phải thu hoạch trước 30 tháng 01 năm sau để kịp giải phóng đất cho sản xuất lúa vụ Xuân 2017.

- Cá vụ 3: Thả giống với mật độ 40–60 con/sào (800 con – 1.200 con/ha); kích cỡ 5 – 7con/kg. Cơ cấu đối tượng nuôi cá Chép chiếm 55%, Trắm 15%, Trôi

10%, mè trắng 5%, mè Hoa 15%. Khuyến khích ương nuôi cá giống trong ao để đảm bảo kích cỡ cá giống thả nuôi cá lúa vụ 3.

1.2. Đảm bảo mật độ thích hợp cho từng loại giống và chân đất

- Cây ngô: Tùy vào từng giống, điều kiện đất đai, hình thức canh tác để có khoảng cách cho phù hợp, đảm bảo mật độ: Ngô lấy hạt 60.000cây/ha đối với đất màu, bãi và trên 50.000cây/ha đối với đất 2 lúa. Ngô làm thức ăn chăn nuôi trên 65.000 cây/ha đối với đất màu, bãi và 60.000 cây/ha đối với đất 2 lúa.

+ Trên đất màu: Khoảng cách trồng hàng cách hàng 65-70cm, hốc cách hốc 23-25cm, gieo 1 hạt/hốc; Khoảng cách trồng hàng cách hàng 70-75cm, hốc cách hốc 22-24 cm, gieo 1-2 hạt/hốc.

+ Gieo trồng ngô bầu trên đất 2 lúa: Lên luống, trồng thành hai hàng/luống, mật độ hàng cách hàng 50-60cm x 35-40cm, trồng 2 cây/hốc, đặt cây phải đảm bảo lá hướng ra ngoài mép luống. Hoặc trồng mật độ: 50-60cm x 20-22cm, trồng 1 cây/hốc, đặt cây phải đảm bảo lá hướng ra ngoài mép luống.

+ Đối với ngô làm thức ăn chăn nuôi: Đất bãi trồng hàng cách hàng 70-70cm x 20 - 20cm; Đất 2 lúa trồng hàng cách hàng 60-60cm x 28-28cm.

- Cây lạc: Lạc Thu Đông phải lên luống thoát nước và 100% diện tích phải áp dụng phủ nilon.

- Cây đậu tương:

+ Giống ĐT 84 gieo với mật độ: 40-45cm x 10-12cm, gieo 2-3hạt/hốc.

+ Giống ĐT12, ĐT99 gieo với mật độ: 30-35cm x 10-12cm, gieo 2-3hạt/hốc.

- Cá vụ 3: Mật độ thả: 40 - 60con/sào.

1.3. Đầu tư phân bón cân đối, hợp lý:

Bón đủ, bón đúng theo hướng dẫn của quy trình thâm canh từng giống đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống. Do đặc thù của sản xuất vụ Đông ở Nghệ An thường xảy ra nhiều đợt mưa lớn, kéo dài, vì vậy sử dụng phân bón cần lưu ý:

- Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, lân, kali cân đối với phân đạm giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe chống chịu tốt với điều kiện bất lợi của ngoại cảnh.

- Để giảm hiện tượng mất phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng, chọn thời điểm bón tùy theo điều kiện thời tiết trong từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây.

- Sử dụng các chế phẩm hữu cơ sinh học bổ sung phân bón cho cây trồng.

1.4. Phòng trừ sâu bệnh hại:

Trong suốt cả quá trình sản xuất vụ Đông phải thường xuyên kiểm tra các loại sâu bệnh hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Trên ngô: Tập trung phòng trừ chuột ngay từ đầu vụ, ngoài ra thường xuyên chú ý các đối tượng khác như cào cào, châu chấu, sâu xám gây hại cây con, sâu đục thân, đục bắp, rệp cò và bệnh khô vằn, bệnh lùn sọc đen,...
- Trên lạc: Chú ý sâu xám, rệp và đặc biệt là sâu khoang, sâu xanh.
- Trên đậu tương: Chú ý phòng trừ sâu đục quả, vẽ bùa, nhện, bệnh gỉ sắt,...
- Trên rau quả: Tăng cường các biện pháp phòng trừ tổng hợp theo hướng sản xuất rau an toàn, hạn chế sử dụng thuốc BVTV và chỉ được sử dụng các loại thuốc có trong danh mục thuốc được phép sử dụng trên rau theo Công văn số 580/BVTV-QLT ngày 17/4/2014 của Cục Bảo vệ thực vật.

1.5. Thực hiện tốt việc tưới nước và thoát nước tiêu úng:

- Đối với cây trồng vụ Đông phải chú ý khâu thoát nước để chống úng cục bộ, trong đó cần quan tâm nhất là lạc, rau màu và một số vùng ngô trên đất 2 lúa.
- Giải quyết tốt nhu cầu nước tưới cho cây rau và ngô trên đất 2 lúa (nhất là thời kỳ ngô trổ cờ, phun râu).
- Đối với nuôi cá ruộng lúa vụ 3 cần theo dõi tình hình mưa lũ và mực nước trong ruộng để điều chỉnh thích hợp cho cá phát triển tốt.

2. Giải pháp cơ chế chính sách:

- Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các chính sách khác về hỗ trợ khắc phục thiên tai, phòng trừ dịch bệnh của UBND tỉnh :

+ Quyết định số 87/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

+ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2014 về việc sửa đổi bổ sung điều 2 quyết định số 45/2012/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 về việc quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

+ Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh “ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 – 2020”

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

- Trong quá trình sản xuất vụ Đông, căn cứ vào diễn biến thời tiết, sự phát sinh gây hại của các dịch hại, Sở Nông nghiệp & PTNT sẽ trình UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kịp thời cho việc phòng trừ khi cần thiết để đảm bảo sản xuất thắng lợi vụ Đông năm 2016.

3. Giải pháp về tổ chức sản xuất:

Để sản xuất vụ Đông theo hướng sản xuất hàng hóa đảm bảo an toàn, hiệu quả; Diện tích sản xuất vụ Đông được bao tiêu sản phẩm, ổn định đầu ra cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

3.1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện Đề án sản xuất vụ Đông. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

*** Trung tâm Khuyến nông:**

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2016, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất.

- Có kế hoạch để phối hợp với các đại phương chỉ đạo mở rộng các mô hình cây vụ Đông có hiệu quả kinh tế cao như: mướp đắng, đậu lầy quả, bí xanh, hành tằm, ngô thức ăn gia súc, ngô liên kết hàng hóa, Cá vụ 3,... và các tiến bộ kỹ thuật khác.

*** Trung tâm Giống cây trồng:**

Phối hợp với các cơ quan Trung ương, các đơn vị để tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử và theo dõi đánh giá kết quả một số giống cây trồng ngô, lạc, rau đậu các loại, để sớm có kết luận tham mưu cho Sở về thời vụ sản xuất trong những năm tới.

*** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:**

- Phối hợp với các địa phương kiểm tra tình hình sản xuất, cập nhật tiến độ để tham mưu kịp thời các giải pháp trọng chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Quản lý công tác sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón phục vụ sản xuất vụ Đông trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai bão lụt, hạn hán, dịch bệnh cây trồng.

- Trên cơ sở chính sách hiện hành, nghiên cứu tham mưu Sở Nông nghiệp & PTNT đề xuất chính sách phục vụ sản xuất vụ Đông năm 2016 và những năm tiếp theo.

- Xây dựng phương án phòng chống dịch hại bảo vệ sản xuất vụ đông năm 2016 gửi các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo hệ thống các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện, thành, thị thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương

tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để sâu, bệnh lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

- Phối hợp với các cấp chính quyền và các ban ngành liên quan tham mưu các giải pháp tổ chức triển khai, cơ chế chính sách trong tổ chức liên kết giữa 3 nhà (Nhà nước, nhà nông và doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm).

** Chi cục Thủy lợi:* Xây dựng kế hoạch để tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi năm 2016 đúng yêu cầu, thiết thực.

- Tiêu úng cho cây trồng vụ Đông khi có mưa bão lớn.

- Tưới cho các vùng rau thâm canh, ngô trên đất 2 lúa.

** Chi cục Phát triển nông thôn:*

- Tăng cường công tác tập huấn để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý ở các HTX nông nghiệp, thông qua đó giúp nông dân tổ chức sản xuất có hiệu quả và liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với các địa phương để lựa chọn, xây dựng một số mô hình liên kết giữa tổ chức nông dân (hoặc nông dân) với doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

** Chi cục Thủy Sản:* Tăng cường kiểm tra chất lượng đàn cá giống trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo Trung tâm giống thủy sản Nghệ An, Cty CP Giống Thủy sản nghệ An và các cơ sở sản xuất giống khác cần có kế hoạch ương giống từ cá hương lên cá giống đảm bảo về chất lượng và số lượng phục vụ nhu cầu cho người nuôi. Số lượng cá giống phục vụ thả nuôi cá lúa vụ 3 khoảng 4 triệu con, kích cỡ 5-7 con/kg.

** Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản*

Tập trung chỉ đạo xây dựng thành công các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn để giới thiệu và nhân rộng, giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

** Các đơn vị khác thuộc Sở:* Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình đề triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2016.

3.2. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp:

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ giống, phân bón, nilon,...đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng vụ Đông với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như Hợp tác xã để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3.3. Đối với UBND các huyện, thành, thị:

- Trên cơ sở Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh,... của địa phương mình để xây dựng Đề án sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải có tính thần tiên công, vượt trội so với chỉ tiêu kế hoạch của Tỉnh.

- Tổ chức chỉ đạo triển khai Đề án sản xuất cho từng địa phương theo hướng tích cực, chủ động và phù hợp với Đề án của huyện.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông ngay từ đầu vụ, đặc biệt đối với cây ngô.

- Phân công cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn xuống tận cơ sở để chỉ đạo thực hiện, lấy kết quả chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2016 làm cơ sở để xem xét công tác thi đua khen thưởng cuối năm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của việc nuôi cá lúa vụ 3 và tác hại của việc sử dụng kích điện đánh bắt trộm trên vùng nuôi.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương như:

+ Quản lý việc cung ứng vật tư nông nghiệp như: giống cây trồng, phân bón... phục vụ sản xuất của các tổ chức, cá nhân theo các quy định của nhà nước. Chọn đối tác đủ điều kiện theo quy định của nhà nước để ký hợp đồng cung ứng giống, vật tư, phân bón đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất trên địa bàn, yêu cầu các đơn vị cung ứng giống phải bảo hành chất lượng cho nông dân và có trong cơ cấu giống của tỉnh.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho các phòng, ban, cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện tốt các nhiệm vụ chỉ đạo sản xuất vụ Đông ở địa phương.

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, tìm kiếm, hỗ trợ mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân

- Định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Sở Nông nghiệp và PTNT(qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) vào sáng thứ 3 hàng tuần để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt.

3.4. Các ngành và đoàn thể:

- Sở Tài chính: Tạo điều kiện cấp ứng kịp thời kinh phí hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ của UBND Tỉnh.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT: Tạo mọi điều kiện thuận lợi, đơn giản cho nông dân được vay đủ vốn để phục vụ sản xuất.

- Đối với các đoàn thể quần chúng: Hội nông dân, Tỉnh đoàn thanh niên, Tỉnh hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh,... với chức năng, nhiệm vụ chính trị của

mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông 2016.

3.5. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đề nghị Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn giành thời lượng ưu tiên đặc biệt cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tình hình sâu bệnh hại cây trồng,... đến người dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Đồng thời, phối hợp tốt hơn nữa với cơ quan khí tượng, thủy văn để nắm bắt và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân né tránh. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Cấp uỷ, chính quyền các địa phương có văn bản chỉ đạo, thành lập ban chỉ đạo sản xuất vụ Đông và thực hiện nhiệm vụ 5 tháng còn lại của năm 2016.

2. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ sản xuất vụ Đông của Tỉnh và các chính sách khác của Chính Phủ, đề nghị các địa phương bố trí ngân sách để hỗ trợ thêm cho nông dân trong phát triển sản xuất vụ đông, chú trọng việc mở rộng diện tích các cây trồng mới có hiệu quả cao, diệt chuột khi cần thiết.

3. Các doanh nghiệp có chính sách hỗ trợ giá giống, phân bón,... giúp nhân dân hoàn thành kế hoạch sản xuất. Phối hợp với các địa phương xây dựng, mở rộng các mô hình trình diễn về giống, vật tư, rau an toàn theo hướng VietGAP, có chính sách hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho nông dân...

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2016. Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh, sự phối hợp tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn Tỉnh nhằm mục tiêu đạt được kết quả cao trong vụ Đông 2016. 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Đinh Viết Hồng PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, ban của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lập

ST T	Chỉ tiêu	ĐV T	Vụ Đông 2014	Vụ Đông 2015	So sánh vụ Đông 2015 so với vụ Đông 2014		Kết quả vụ Đông 2015 so với Kế hoạch	
					Tăng (+), giảm (-)	%	Tăng (+), giảm (-)	%
1	Cây Ngô							
	Diện tích	ha	25.255	23.735	-1.520,30	93,98	-4.265,30	84,77
	Năng suất	tạ/ha	45,48	44,96	-0,52	98,86	-0,04	99,91
	Sản lượng	tấn	114.833	106.720	-8.113,0	92,93	-19.280,0	84,70
2	Cây lạc							
	Diện tích	ha	1.279	1.293	13,90	101,09	-207,10	86,19
	Năng suất	tạ/ha	20,09	22,19	2,10	110,45	2,19	110,95
	Sản lượng	tấn	2.569	2.870	300,50	111,70	-431,00	95,65
3	Rau các loại							
	Diện tích	ha	10.664	11.867	1.202,80	111,28	-633,20	94,93
	Năng suất	tạ/ha	124,55	120,87	-3,68	97,05	0,87	100,73
	Sản lượng	tấn	132.817	143.432	10.614,50	107,99	-6.568,50	95,62

KẾ HOẠCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2016 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

TT	Toàn tỉnh	Tổng diện tích (ngô, lạc, rau đậu)	Cây ngô				Cây lạc	Rau đậu các loại	Cá vụ 3
			Tổng DT	Trong đó		Ngô chuyển đổi từ đất lúa vụ Hè thu- Mùa			
				Ngô trên đất 2 lúa	Ngô thức ăn gia súc				
		40.300,0	27.000,0	6.000,0	5.035,0	1.079,0	1.300,0	12.000,0	3.200,0
1	Diễn Châu	4.700,0	3000	750	1000		500	1200	386
2	Yên Thành	2.245,0	1600	750	100		45	600	200
3	Quỳnh Lưu	2.980,0	1400	400	500	100	80	1500	550
4	TX Hoàng Mai	2.040,0	1350	100			40	650	40
5	Nghi Lộc	3.870,0	2600	500	700		370	900	
6	Nam Đàn	4.720,0	3000	850	70		20	1700	349
7	H/Nguyên	1.050,0	400	100		300		650	350
8	Đô Lương	2.960,0	2100	850	700	324	110	750	450
9	TP Vinh	450,0	170				60	220	10
10	Cửa Lò	145,0	80		300		15	50	
11	Th/Chương	4.300,0	3500	300	100			800	607
12	Tân Kỳ	1.300,0	800		500			500	53
13	Nghĩa Đàn	1.500,0	1000	200	150	260		500	
14	Thái Hoà	380,0	200	50	500	60		180	
15	Quỳ Hợp	1.350,0	850	400				500	
16	Quỳ Châu	540,0	250		35		40	250	
17	Quế Phong	460,0	200		200		20	240	
18	Anh Sơn	3.650,0	3350	650	130			300	200
19	Con Cuông	1.390,0	1100	100	50	35		290	5
20	T/Dương	270,0	50					220	
21	Kỳ Sơn	0,0							

Phụ lục 03:**DANH SÁCH CÁC GIỐNG NGÔ ĐƯỢC ĐƯA VÀO SẢN XUẤT TRONG
VỤ ĐÔNG 2016 Ở NGHỆ AN**

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
I	CÁC GIỐNG ĐƯỢC CƠ CẤU VÀO SẢN XUẤT			
1	LVN14	110 - 115	55-60	Có sinh khối lớn
2	30Y87	110 - 115	58-60	Có sinh khối lớn
3	CP 111	105 - 110	60-65	Có sinh khối lớn
4	NK6326	110 - 115	65-70	Có sinh khối lớn
5	P4199	110 - 115	55-60	
6	CP 999	105 - 110	55-60	
7	NK66	110 - 115	65-70	
8	NK6654	110 - 115	65-70	
9	NK7328	112 - 117	65-70	
10	NK4300	110 - 115	65-70	
11	DK6919	105 - 110	65-68	
12	DK6818	105 - 110	65-70	
13	DK9901	110 - 115	60-65	
14	DK9955	110 - 115	60-62	
15	CP 501	105 - 110	60-65	
16	MX2	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
17	MX4	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
18	MX6	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
19	MX10	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
20	Max 68	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
21	HN88	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
22	HN68	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
23	Fancy 111	Ngô nếp lai	55-60	Thu hoạch ăn tươi
24	CP888	115 - 120	50-55	
25	CP3Q	110 - 115	60-65	
26	CPA88	110 - 115	60-65	
27	CP333	95 - 100	55-60	
28	CP555	105 - 110	60-65	
29	CP511	105 - 110	60-65	
30	HN45	105 - 110	55-60	
31	B265	105 - 110	60 - 65	Có sinh khối lớn
32	LVN 152	100 - 110	60 - 65	Có sinh khối lớn

33	B06	95 - 105	55-60	Có sinh khối lớn
34	B528	105 - 110	60-70	Có sinh khối lớn
35	P4199	110 - 115	55-60	Có sinh khối lớn
36	NK66BT/GT	110 - 115	65-68	Kháng sâu đục thân và thuốc trừ cỏ Glyphosate
37	NK4300BT/GT	110 - 115	60-65	Kháng sâu đục thân và thuốc trừ cỏ Glyphosate
38	LVN10	120 - 125	55 - 60	
39	LVN61	105 - 110	55-58	
40	LVN885	95 - 100	55 - 60	
41	LVN17	100 - 110	60 - 65	
42	LVN146	105 - 115	60 - 65	
43	Ngô nếp VN2	102 - 110	55-58	
44	SSC 2095	90 - 95	55-60	
45	SSC 131	110 - 115	55-60	
46	PAC999 Super	117 - 120	55-60	
47	VS36	110 - 115	55-60	
48	AG69	105 - 110	60-65	
49	CS71	100 - 110	60 - 65	Có sinh khối lớn
50	PSC 102	105-110	65-70	Có sinh khối lớn
51	PSC 747	105-110	65-70	Có sinh khối lớn
52	PAC669	115-120	55-60	
53	PAC339	115-120	55-60	
54	PAC558	115-120	55-60	
55	SK100	115-120	60-65	Có sinh khối lớn
II	GIỐNG SẢN XUẤT THỬ			
1	NK6639	110 - 115	60-65	Công nhận SX thử
2	NK6410	110 - 115	60-65	Công nhận SX thử
3	NK6101	110 - 115	60-65	Công nhận SX thử
4	HT 818	110 - 115	55-60	Công nhận SX thử
5	Ngô nếp AG500	60 - 65	55-60	Công nhận SX thử
6	Ngô nếp Bạch Long	60 - 65		Công nhận SX thử
7	Ngô nếp lai F1 HN90	80 - 90	55-60	Công nhận SX thử
8	CP501S (chuyển gen)	95 - 100	60-65	Công nhận SX thử
9	P4296	110 - 115	60-65	Công nhận SX thử
10	P4311	115 - 120	60-65	Công nhận SX thử
11	DK6919s (chuyển gen)	105 - 110	65-68	Công nhận SX thử
12	DK6818s (chuyển gen)	105 - 110	65-68	Công nhận SX thử
13	HN66	65 - 70	55-60	Công nhận SX thử